Chương V

Phân tích tài chính và kế hoạch hóa tài chính

A. Phân tích tài chính

1. Ý nghĩa

- Nắm bắt được tình hình tài chính thực tế, tiềm năng và xu hướng phát triển
- Thấy được điểm mạnh, điểm yếu, nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của DN
- Là căn cứ để đưa ra các biện pháp, các quyết định giúp ích cho doanh nghiệp cũng như các đối tác của doanh nghiệp

A. Phân tích tài chính

2. Các tài liệu dùng cho phân tích tài chính

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Báo cáo chi tiết về chi phí sản xuất kinh doanh theo từng yếu tố
- Báo cáo chi tiết về kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- Các báo cáo, thống kê về TSCĐ, Nguồn vốn doanh nghiệp sử dụng
- Các dự toán về kế hoạch tài chính hàng năm

Vai trß cña c¸c b¸o c¸o tµi chÝnh

- Cung cÊp c¸c chØ tiªu kinh tÕ-tµi chÝnh ®Ó ph©n tÝch tæng hîp, cã hÖ thèng t×nh h×nh s¶n xuÊt kinh doanh, tµi chÝnh cña doanh nghiÖp
- Cung cÊp c¸c th«ng tin, sè liÖu ®Ó kiÓm tra t×nh h×nh h¹ch to¸n kinh doanh, chÊp hµnh chÝnh s¸ch chÕ ®é TCKT
- Ph©n tÝch, lËp dù b¸o, kÕ ho¹ch tµi chÝnh ng¾n vµ dµi h¹n

B¶ng c©n ®èi kÕ to¸n

- Phản ánh tình hình tài chính doanh nghiệp tại một thời điểm
- Cho biÕt tæng gi¸ trÞ tµi s¶n, tæng nguån vèn cña doanh nghiÖp t¹i thêi ®iÓm lËp
- Ph¶n ¸nh c¬ cÊu ®Çu t- tµi s¶n
- Ph¶n ¸nh chÝnh s¸ch tµi trî cña doanh nghiÖp

B¶ng c©n ®èi kÕ to¸n
Nguyªn t¾c lËp

- Tæng Tµi s¶n =Tæng Nguån vèn
- Vốn chủ sở hữu =Tæng nguån vèn – Nî

B¶ng c©n ®èi kÕ to¸n

MÉu

Tæng tµi s¶n	Tæng nguån vèn
Tµi s¶n l-u ®éng ❖ TiÒn ❖ Kho¶n ph¶i thu ❖ Dù tr÷	**Nî** ❖ Nî ng¾n h¹n ❖ Nî dµi h¹n
Tµi s¶n cè ®Þnh ❖ H÷u h×nh ❖ V« h×nh ❖ Hµo mßn TSC§	Vèn chñ së h÷u ❖ Vèn gãp ❖ Ph¸t hµnh cæ phiÕu ❖ Lîi nhuËn gi÷ l¹i

B¶ng c©n ®èi kÕ to¸n

Tµi s¶n	Nî & Vèn CSH
TSLĐ	Nî ng¾n h¹n
Vèn l-u ®éng rßng	
TSCĐ	Nî dµi h¹n

B¸o c¸o kÕt qu¶ kinh doanh
ý nghÜa

- Cho biết tình hình tài chính doanh nghiệp trong một thời kỳ
- Ph¶n ¸nh kÕt qu¶ ho¹t ®éng s¶n xuÊt kinh doanh trong ky
- Thùc hiÖn nghÜa vô ví nhµ n-íc

B¸o c¸o kÕt qu¶ kinh doanh
Nguyªn t¾c lËp

- Nguyªn t¾c trõ lïi
- Doanh thu – Chi phÝ tõ ho¹t ®éng kinh doanh
- Doanh thu – Chi phÝ tõ ho¹t ®éng tµi chÝnh
- - Doanh thu – Chi phÝ tõ ho¹t ®éng bÊt th-êng

B¸o c¸o kÕt qu¶ kinh doanh-MÉu

1	Doanh thu
2	ChiÕt khÊu gi¶m gi¸
3	Gi¸ vèn hµng b¸n
4	L·i gép
5	Chi phÝ qu¶n lÝ, b¸n hµng
6	TNTT tõ ho¹t ®éng kinh doanh
7	TNTT tõ ho¹t ®éng tµi chÝnh
8	TNTT tõ ho¹t ®éng bÊt th-êng
9	Tæng thu nhËp tr-íc thuÕ
10	ThuÕ TNDN
11	Thu nhËp sau thuÕ
12	Chi tr¶ cæ tøc (nÕu cã)
13	Lîi nhuËn giu lai

B¸o c¸o l-u chuyÓn tiÒn tÖ

- Ph¶n ¸nh dßng tiÒn vµo, ra trong tõng thêi kx(th-êng lµ dµi h¹n)

B¸o c¸o ng©n quü

Gióp cho viÖc qu¶n lÝ c¸c quyÕt ®Þnh tµi chÝnh ng¾n h¹n: chÝnh s¸ch tÝn dông th-¬ng m¹i, chÝnh s¸ch tµi trî cho ng©n quü th©m hôt hay ®Çu t- khi ng©n quü thÆng d-

- Dù b¸o dßng tiÒn vµo, ra trong ng¾n h¹n: tuÇn, th¸ng , ngµy

B¸o c¸o l-u chuyÓn tiÒn tÖ
Nguy³n t¾c lËp

- Ph-¬ng ph¸p trùc tiÕp
- Ph-¬ng ph¸p gi¸n tiÕp

B¸o c¸o l-u chuyÓn t iÒn tÖ- mÉu

L-u chuyÓn tiÒn tÖ tõ ho¹t ®éng kinh doanh	
Ph-¬ng ph¸p gi¸n tiÕp	***Ph-¬ng ph¸p trùc tiÕp***
Lîi nhuËn rßng sau thuÕ	Doanh thu b»ng tiÒn
+Céng vµo: Kho¶n ®iÒu chØnh: khÊu hao, dù phßng	+Céng vµo c¸c kho¶n nî ® thu - Trõ ®i c¸c kho¶n Nî ® tr¶
-Trõ ®i: Gi¶m cña Ph¶i Tr¶, T¨ng lªn cña Ph¶i Thu, T¨ng cña dù tr÷	-Trõ ®i C¸c kho¶n Tr¶ Cho c«ng nh©n, nhµ cung cÊp -- Trõ ®i L·i, thuÕ ® tr¶
+Céng vµo: T¨ng cña Ph¶i tr¶, Gi¶m cña Ph¶i Thu, gi¶m cña dù tr÷	

B¸o c¸o l-u chuyÓn tiÒn tÖ - mÉu

L-u chuyÓn tiÒn tÖ tõ ho¹t ®éng ®Çu t-
- Trõ ®i: mua s¾m tµi s¶n Cè ®Þnh
+Céng vµo Thu ®-îc do b¸n TSC§
+L·i thu ®-îc
L-u chuyÓn tiÒn tÖ tõ ho¹t ®éng tµi chÝnh
+Céng vµo TiÒn vay, t¨ng vèn
-Trõ ®i c¸c kho¶n ®i vay ® tr¶ -- Trõ ®i L·i cæ phÇn ® tr¶

ThuyÕt minh b¸o c¸o tµi chÝnh

- Gi¶i thÝch nguyªn t¾c kÕ to¸n ¸p dông
- Bæ sung, gi¶i thÝch thªm vÒ c¸c chØ tiªu trªn c¸c b¸o c¸o tµi chÝnh
- Cung cÊp thªm th«ng tin ch-a oã trong hÖ thèng b¸o c¸o tµi chÝnh
- Cã thÓ do doanh nghiÖp tù lËp hay theo mÉu quy ®Þnh cña Nhµ n-íc

Ph©n tÝch tµi chÝnh
Môc tiªu

- Môc ®Ých cña PTTC
- Quy tr×nh PTTC
- Ph-¬ng ph¸p PTTC
- Néi dung PTTC

Ph©n tÝch tµi chÝnh

Môc ®Ých

- Đèi víi gi¸m ®èc tµi chÝnh
- Đèi víi cæ ®«ng
- Đèi víi chñ nî: NHTM, nhµ cung cÊp, tr¸i chñ
- Đèi t-îng kh¸c: c¬ quan thuÕ, thanh tra, kiÓm to¸n
- Đèi víi c¸n bé c«ng nh©n viªn

Ph©n tÝch tµi chÝnh doanh nghiÖp
D-íi gi¸c ®é NHTM

- Môc tiªu: ®-a ra quyÕt ®Þnh:
  - Cho vay
  - B¶o l·nh
  - Cho thuª
- Néi dung

  Lµ néi dung quan träng trong kh©u thÈm ®Þnh kh¸ch hµng cña quy trình Ph©n tÝch tÝn dông

Ph©n tÝch tµi chÝnh

Thu thËp th«ng tin

Th«ng tin néi bé

Th«ng tin bªn ngoµi

Th«ng tin kÕ to n, qu¶n lÝ

Xö lÝ th«ng tin

So s¸nh

Gi¶i thÝch, ®¸nh gi¸

X¸c ®Þnh nguyªn nh©n

Dù ®o¸n, ra quyÕt ®Þnh

Quyõt ®Þnh ®Çu t-

Quyõt ®Þnh tµi trî ng¾n, dµi h¹n

Ph©n tÝch tµi chÝnh

Xö lÝ c¸c B¸o c¸o tµi chÝnh

- Lµm trong s¹ch C¸c BCTC
- B¸o c¸o chuÈn năm gốc
- B¸o c¸o chuÈn tû träng

Ph©n tÝch tµi chÝnh

Néi dung

- Ph©n tÝch khả năng thanh to¸n (ng¾n h¹n)
- Ph©n tÝch khả năng tr¶ nî (dµi h¹n)
- Ph©n tÝch khả năng c©n ®èi vèn
- Ph©n tÝch khả năng ho¹t ®éng
- Ph©n tÝch khả năng sinh lêi

NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH
KHẢ NĂNG THANH TOÁN

$$\text{Kh¶ n¨ngthanhto¸n chung} = \frac{\text{T\µis¶n l-u déng}}{\text{Nî ng¾n h¹n}}$$

$$\text{Kh¶ n¨ngthanhto¸n nhanh} = \frac{\text{T\µis¶n l-u déng - H\µngtån kho}}{\text{Nî ng¾n h¹n}}$$

$$\text{Kh¶ n¨ngthanhto¸n tøcthêi} = \frac{\text{TiÒnvµchøngkho¸n ng¾n h¹n}}{\text{Nî ng¾n h¹n}}$$

PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- HÖ sè thanh to¸n b»ng 1 cho thÊy DN cã ®ñ tµi s¶n l-u ®éng ®Ó ®¸p øng nî ng¾n h¹n
- Tuy nhiªn, cÊu thµnh vµ chÊt l-îng cña Tµi s¶n l-u ®éng lµ quan träng

Ph©n tÝch kh¶ n¨ng thanh to¸n

- VÝ dô: C«ng ty S¬n Long

- Kh¶ n¨ng thanh to¸n chung : 2.5 2.9 3.3
- Kh¶ n¨ng thanh to¸n hiÖn hµnh: 1.7 1.5 1.1
- Kh¶ n¨ng thanh to¸n tøc thêi : 0.8 0.6 0.52

Ph©n tÝch kh¶ n¨ng thanh to¸n

- Ph©n tÝch xu h-íng biÕn ®éng cña c¸c tû sè
- Xu h-íng ngµy cµng t¨ng, do:
  - TÝch ®äng cña hµng tån kho
  - YÕu kÐm trong kiÓm so¸t HTK
  - HTK lçi thêi
  - T¨ng lªn cña doanh thu trª chËm
  - ChËm ch¹p trong viÖc thu håi nî

-> Ph©n tÝch l¹i chÝnh s¸ch tÝn dông th-êng m¹i

-> §¸nh gi¸ ph©n lo¹i chÊt l-îng HTK

Ph©n tÝch kh¶ n¨ng thanh to¸n

- Xu h-íng ngµy cµng gi¶m, do:
  - Doanh sè b¸n gi¶m
  - BÞ chiÕm dông vèn nhiÒu
  - ChËm ch¹p trong viÖc thu håi nî
  - B¸n TSC§ ®Ó c¶i thiÖn t×nh tr¹ng suy gi¶m tiÒn

->T×m hiÓu gi¶m sót vèn l-u ®éng tµi trî b»ng c¸ch nµo?

Néi dung ph©n tÝch tµi chÝnh
Kh¶ n¨ng tr¶ nî dµi h¹n

$$\text{Kh¶ n¨ng thanh to¸n l·i vay} = \frac{\text{Thu nhËp tr-íc thuÕ vµ l·i vay}}{\text{L·i vay}}$$

$$\text{HÖ sè bï đ¾p l·i cè đÞnh} = \frac{\text{Dù tr- ngan quü}}{\text{L·i vay cè đÞnh}}$$

$$\textit{Kh¶ n¨ng tr¶ nî dµi h¹n} = \frac{\text{Khª uhao + TNST}}{\textit{Nî gèc}}$$

Mèi liªn hÖ gi÷a TiÒn, Kho¶n ph¶i thu, Hµng tån kho, Nî vay

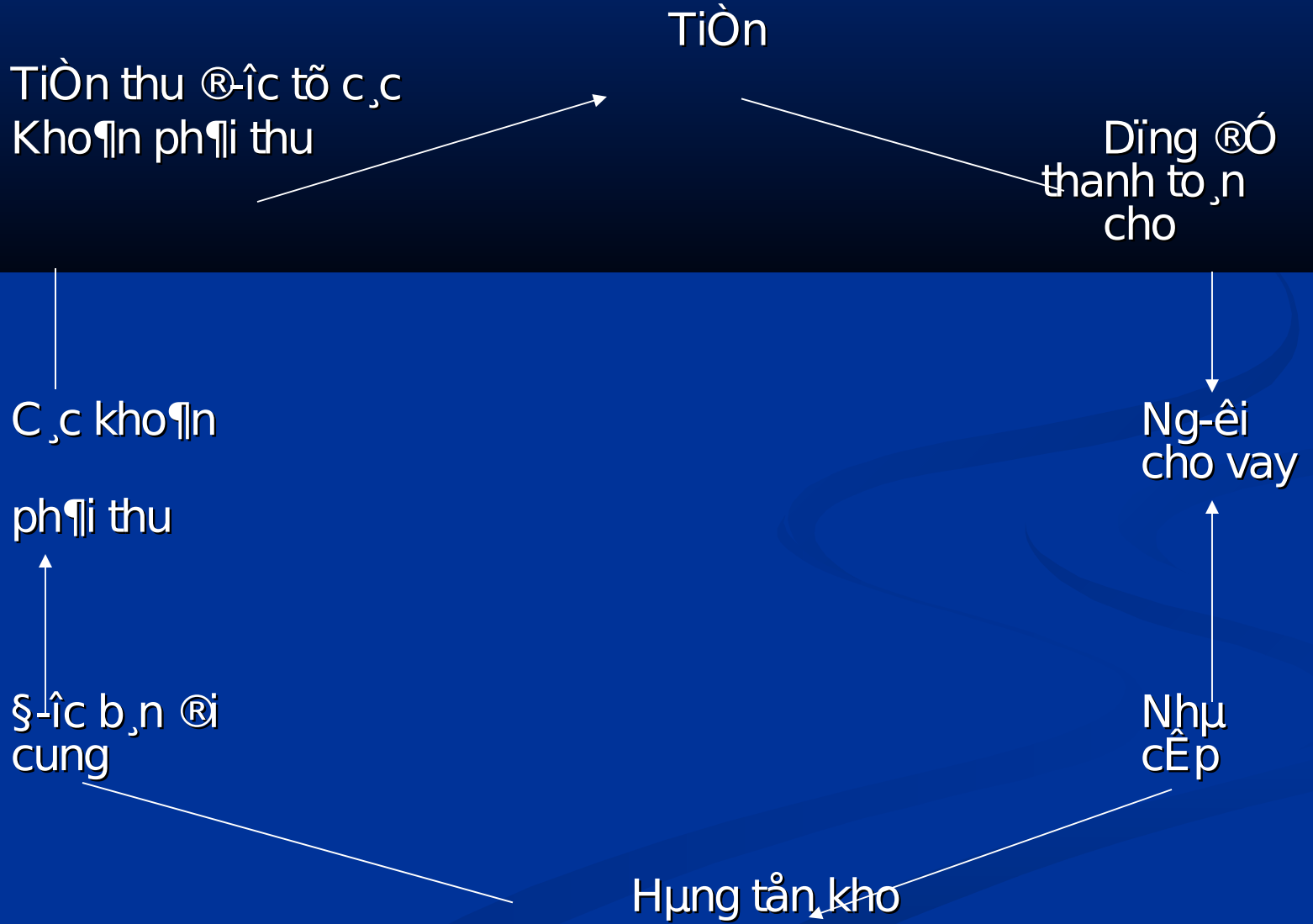

NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CƠ CẤU VỐN

- NH cÇn xem xÐt c¬ cÊu vèn cña ng-êi vay: - C¬ cÊu vèn ® phï hîp hay ch-a?
  - Lµm g× ®Ó c¶i thiÖn c¬ cÊu vèn ®ã?
- ChÝnh s¸ch tµi trî cho tµi s¶n phï hîp:
  - Tµi trî ng¾n h¹n cho c¸c nhu cÇu ng¾n h¹n
  - Tµi trî dµi h¹n cho c¸c nhu cÇu dµi h¹n

Néi dung ph©n tÝch tµi chÝnh C¬ cÊu vèn

Nhu cÇu tµi trî dµi h¹n =

Tµi s¶n cè ®Þnh +

Tµi s¶n l-u ®éng th-êng xuyªn +

C¸c Tµi s¶n l-u ®éng th-êng xuyªn kh¸c

Néi dung ph©n tÝch tµi chÝnh C¬ cÊu vèn

- Nªn dïng c¸c kho¶n tµi trî dµi h¹n cho c¸c tµi s¶n th-êng xuyªn dµi h¹n (TSC§ vµ TSL§)
- Tµi s¶n l-u ®éng th-êng xuyªn nªn ®-îc tµi trî b»ng vèn dµi h¹n, æn ®Þnh(Nî vµ vèn gãp)
- Nªn dïng nguån ng¾n h¹n tµi trî cho sù t¨ng tr-ëng t¹m thêi cña c¸c TSL§

Néi dung ph©n tÝch tµi chÝnh kh¶ n¨ng c©n ®èi vèn

$$\text{HÖ sè Nî} = \frac{\text{Nî}}{\text{Tæng tµi s¶n}}$$

$$\text{HÖ sè tù chñ tµi chÝnh} = \frac{\text{Vèn chñ së h-u}}{\text{Tæng tµi s¶n}}$$

$$\text{HÖ sè Nî trªn VCSH} = \frac{\text{Vèn vay}}{\text{VCSH}}$$

Néi dung ph©n tÝch tµi chÝnh kh¶ n¨ng c©n ®èi vèn

- VÝ dô c«ng ty S¬n Long cã hÖ sè nî nh- sau:
- Tæng Nî 105 115 128
- Tæng TS 157 171 190
- HÖ sè Nî 0.67 0.67 0.67

Néi dung ph©n tÝch tµi chÝnh kh¶ n¨ng c©n ®èi vèn

- VÝ dô C«ng ty S¬n Long cã hÖ sè nî trªn CVSH nh- sau:
- Tæng Nî 105 115 128
- Vèn chñ së h÷u 52 56 62
- HÖ sè Nî/VCSH 2.02 2.05 2.06

Néi dung ph©n tÝch tµi chÝnh kh¶ n¨ng c©n ®èi vèn

- HÖ sè Nî cao hay t¨ng lªn, thÓ hiÖn:
  - G¸nh nÆng nî nÇn t¨ng
  - TiÒm Èn rñi ro kh¶ n¨ng thanh to¸n
- CÇn lµm râ:
  - Nguyªn nh©n
  - C¬ cÊu c¸c kho¶n nî
  - Thêi h¹n thanh to¸n c¸c kho¶n nî

Néi dung ph©n tÝch tµi chÝnh
Kh¶ N¡NG ho¹t ®éng

$$\text{HiÖusuÊtsö dôngTSC§} = \frac{\text{Doanhthu thuÇn}}{\text{Tæng Tµis¶n cè d Þnh}}$$

$$\text{HiÖusuÊtsö dôngTSL§} = \frac{\text{Doanhthu thuÇn}}{\text{Tæng Tµis¶n l-u d éng}}$$

$$\text{HiÖusuÊtsö dôngTæng TS} = \frac{\text{Doanhthu thuÇn}}{\text{Tæng µis¶n}}$$

Néi dung ph©n tÝch tµi chÝnh
Kh¶ n¨ng ho¹t ®éng

- V ßng quay hµng tån kho = Gi¸ vèn hµng b¸n / Hµng tån kho

$$\text{HÖ sè luan chuyÓn HTK} = \frac{1}{\text{V ßng quay HTK}}$$

Néi dung ph©n tÝch tµi chÝnh
Kh¶ n¨ng ho¹t ®éng

- VÝ dô C«ng ty may BM
- Doanh thu /TS 4.32 4.43 4.35
- Vßng quay HTK 33 36 36
- Kú thu tiÒn bq 2 2 3
- Doanh thu/TSCD 7.29 7.80 7.32

Néi dung ph©n tÝch tµi chÝnh
Kh¶ n¨ng ho¹t ®éng

VÝ dô C«ng ty S¬n Long:

HÖ sè lu©n chuyÓn HTK:

Xu h-íng tÝch cùc: 100 75 50 ngµy

Xu h-íng tiªu cùc: 100 130 155 ngµy

Néi dung ph©n tÝch tµi chÝnh
Kh¶ n¨ng ho¹t ®éng

- Sự gia tăng thời gian lưu hàng tồn , do:
  - HTK ® lçi thêi hay kh«ng b¸n ®-îc
  - §Çu t- tÝch tr÷ HTK qu¸ cao so víi nhu cÇu cña doanh nghiÖp
  - Gi¸ trÞ HTK bÞ khai t¨ng
  - Dù tr÷ HTK t¨ng lªn
  - L-îng hµng mua vµo kh«ng ®-îc ®iÒu chØnh phï hîp víi sù gi¶m sót cña l-îng hµng b¸n gi¶m
  - Cè ý t¨ng HTK tr-íc ngµy lËp BCTC

Néi dung PTTC- Kh¶ n¨ng ho¹t ®éng

$$\text{Kú thu tiÒn bq} = \frac{\text{Kho¶n ph¶i thu}}{\text{Doanh thu bq ngµy}}$$

$$\text{Kú tr¶ tiÒn bq} = \frac{\text{Kho¶n ph¶i tr¶}}{\text{Gi¸ vèn hµng b¸n bq ngµy}}$$

Néi dung PTTC- Kh¶ n¨ng ho¹t ®éng

- VÝ dô C«ng ty S¬n Long
- K× thu tiÒn b×nh qu©n
- Xu h-íng tÝch cùc : 90 60 30 ngµy
- Xu h-íng tiªu cùc: 30 70 95 ngµy

Néi dung PTTC- Kh¶ n¨ng ho¹t ®éng

- HiÖu qu¶ cña qu¸ tr×nh thu håi nî:
  - sè ngµy nî cµng nhiÒu th× kh¶ n¨ng trë thµnh nî khã ®ßi cµng cao
  - chÊt l-îng c¸c kho¶n nî cÇn gi¸m s¸t chÆt chÏ b»ng kÕ ho¹ch thu nî
  - ®¸nh gi¸ kh¶ n¨ng tin cËy cña c¸c kho¶n ph¶i thu
  - lËp sæ theo dâi thê h¹n c¸c kho¶n ph¶i thu

Néi dung PTTC- Kh¶ n¨ng ho¹t ®éng

- VÝ dô C«ng ty S¬n Long
- K× tr¶ tiÒn b×nh qu©n:
- Xu h-íng tÝch cùc: 45 60 95 ngµy
- Xu h-íng tiªu cùc: 100 80 40 ngµy

Néi dung PTTC- Kh¶ n¨ng ho¹t ®éng

- HiÖu qu¶ cña qu¸ trxnh tr¶ nî:
  - Doanh nghiÖp tr¶ nî muén do thiÕu tiÒn
  - Kh«ng cã kh¶ n¨ng tr¶ tiÒn khi ®Õn h¹n thanh to¸n
  - Chñ ®éng ¸p ®Æt thêi h¹n nî ®èi víi c¸c nhµ cung cÊp
  - Tù bæ sung vèn l-u ®éng

Néi dung PTTC – Kh¶ n¨ng sinh lêi

$$ROA = \frac{\text{Thu nhËp tr-íc thuÕ}}{\text{Tæng tµi s¶n}}$$

TûlÖ gi¸ trÞ thu nhËp = Gi¸ thÞ tr-êng cña cæ phiÕu / Tæng thu nhËp sau thuÕ

$$ROE = \frac{\text{Thu nhËp sau thuÕ}}{\text{Vèn chñ së h-u}}$$

Néi dung PTTC – Kh¶ n¨ng sinh lêi

- VÝ dô c«ng ty may B×nh Minh:
- TN tr-íc thuÕ vµ l·i 10 16 12
- Tæng TS 157 171 190
- TNTT vµ l·i/TS 6.37% 9.36% 6.32%

Néi dung PTTC – Kh¶ n¨ng sinh lêi

- ĐÓ tèi ®a ho¸ hÖ sè TNTT&l·i/TS, cÇn:
  - Đ¹t møc cao nhÊt cã thÓ trªn mçi ®ång doanh sè
  - Tèi ®a ho¸ sù quay vßng cña tèng TS

Ph©n tÝch tµi chÝnh – DiÔn biÕn nguån vèn

Nguyªn t¾c

- C¸c kho¶n môc bªn tµi s¶n ↓, kho¶n môc bªn nguån vèn ↑ ⇒ t¹o nguån
- C¸c kho¶n môc bªn tµi s¶n ↑, kho¶n môc bªn nguån vèn ↓ ⇒ sö dông vèn.

- B¶ng chØ tiªu, träng sè, thang ®iÓm xÕp lo¹i

	TS	A	B	C	D	Sau D
C¸c chØ tiªu thanh kho¶n						
1. Kh¶ n¨ng thanh to¸n ng¾n h¹n	2	5	4	3	2	1
2. Kh¶ n¨ng thanh to¸n nhanh	1	5	4	3	2	1
C¸c chØ tiªu ho¹t ®éng						
3. Lu©n chuyÓn hµng tån kho	3	5	4	3	2	1
4. Kú thu tiÒn b×nh qu©n	3	5	4	3	2	1
5. HÖ sè sö dông tµi s¶n	3	5	4	3	2	1
C¸c chØ tiªu c©n ®èi vèn						
6. Nî ph¶i tr¶/Tæng tµi s¶n	3	5	4	3	2	1
7. Nî ph¶i tr¶/Nguån vèn chñ së h÷u	3	5	4	3	2	1
8. Nî qu¸ h¹n/Tæng d- nî ng©n hµng	3	5	4	3	2	1
C¸c chØ tiªu thu nhËp						

B¶ng xÕp lo¹i doanh nghiÖp

Ký hiÖu xÕp lo¹i	Néi dung
AA (117 - 135)	Doanh nghiÖp nµy lµ doanh nghiÖp ho¹t ®éng rÊt tèt, ®¹t hiÖu qu¶ cao vµ cã triÓn väng tèt ®Ñp. Rñi ro thÊp
A (98 – 116)	Doanh nghiÖp nµy lµ doanh nghiÖp ho¹t ®éng kinh doanh cã hiÖu qu¶, tµi chÝnh lµnh m¹nh, cã tiÒm n¨ng ph¸t triÓn. Rñi ro thÊp
BB (79 – 97)	Doanh nghiÖp nµy ho¹t ®éng cã hiÖu qu¶, cã tiÒm n¨ng ph¸t triÓn. Tuy nhiªn, cã h¹n chÕ nhÊt ®Þnh vÒ nguån lùc tµi chÝnh vµ cã nh÷ng nguy c¬ tiÒm Èn. Rñi ro thÊp
B (60 – 78)	Doanh nghiÖp h¹ng nµy ho¹t ®éng ch-a ®¹t hiÖu qu¶, kh¶ n¨ng tù chñ tµi chÝnh thÊp, cã nguy c¬ tiÒm Èn. Rñi ro trung b×nh
CC (41- 59)	Doanh nghiÖp nµy cã hiÖu qu¶ ho¹t ®éng thÊp, tµi chÝnh yÕu kÐm, thiÕu kh¶ n¨ng tù chñ vÒ tµi chÝnh. Rñi ro cao
C (d-íi 41)	Doanh nghiÖp nµy kinh doanh thua lç kÐo dµi, t×nh h×nh tµi chÝnh yÕu, kh«ng cã kh¶ n¨ng tù chñ tµi chÝnh, cã nguy c¬ ph¸ s¶n. Rñi ro rÊt cao.

A. Phân tích tài chính

3. Phương pháp phân tích

- Phương pháp so sánh
- Phân tích theo tỷ số
- Phân tích thông qua đồ thị
- Phân tích thông qua thay thế liên hoàn
- Phân tích Du Pont (phân tích tương hỗ)

A. Phân tích tài chính

4. Nội dung phân tích

- Kết quả hoạt động kinh doanh
- Nguồn vốn và sử dụng vốn
- Khả năng thanh toán
- Điểm hòa vốn
- Năng lực hoạt động tài chính

B. Kế hoạch tài chính

1. **Nội dung kế hoạch tài chính:**

- Đầu tư dài hạn
- Khấu hao TSCĐ
- Nhu cầu vốn kinh doanh
- Nhu cầu vốn bằng tiền
- Phân phối lợi nhuận
- Tài trợ

B. Kế hoạch tài chính

2. Căn cứ để lập kế hoạch

- Tình hình thực tế của doanh nghiệp
- Các yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài (thị trường, chính sách etc..)
- Các báo cáo tài chính
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh

B. Kế hoạch tài chính

3. Phương pháp lập kế hoạch

a- Khấu hao TSCĐ

- Thống kê tăng giảm TSCĐ kỳ kế hoạch
- Xác định nguyên giá bình quân TSCĐ
- Lựa chọn mức khấu hao và phương pháp khấu hao phù hợp
- Dự kiến sử dụng quỹ khấu hao
- Lập bảng theo dõi

B. Kế hoạch tài chính

3. Phương pháp lập kế hoạch

b- Kế hoạch doanh thu

- Dự báo theo số bình quân của các kỳ thực hiện
- Dự báo theo kế hoạch sản xuất và tiêu thụ của kì kế hoạch

c- Kế hoạch lợi nhuận

- Dự báo theo tỷ lệ % doanh thu trung bình các kỳ thực hiện
- Dự báo theo mức thu chi của doanh nghiệp kỳ kế hoạch
- Kết hợp cả hai phương pháp trên

B. Kế hoạch tài chính

3. Phương pháp lập kế hoạch

d- Kế hoạch nhu cầu vốn kinh doanh

- Theo tỷ lệ % doanh thu
- Trực tiếp đối với từng khâu sản xuất
- Theo các chỉ tiêu tài chính đặc trưng đã được xây dựng

e- Nhu cầu vốn bằng tiền

- Cân đối các dòng tiền thu và chi
- Lên kế hoạch huy động tài trợ hoặc đầu tư ngắn hạn